

Số: 13/2019/QĐST-DS

Mai Sơn, ngày 30 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân
2. Ông Hà Văn Sơ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 A, phường LH, Quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền làm đơn khởi kiện: Ông Phạm Tuấn A – chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của ông Ngô Chí D; Người đại diện theo ủy quyền việc khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án: Anh Lê Thành L sinh năm

1983 – Trưởng bộ phận xử lý nợ KHCN PUN và anh Bùi Mạnh T sinh năm 1995
– Nhân viên xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số 1316/2019/UQ-VPB ngày 21/3/2019.

- Bị đơn: Anh Sùng A V sinh năm 1988 và chị Lý Thị N sinh năm 1989 cùng trú tại: Bản PN, xã CD, huyện MS, tỉnh Sơn La.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nội dung: Ngân hàng TMCP VN và anh Sùng A V, chị Lý Thị N cùng thống nhất: Tính đến ngày 30/7/2019 số tiền nợ gốc anh V, chị N còn nợ Ngân hàng là 170.512.928 đồng và tiền lãi phát sinh là 9.157.556 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 10447709 ngày 24/11/2016 và khế ước nhận nợ ngày 30/11/2016 được ký kết giữa hai bên. Tổng cộng là 179.670.484 (một trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm tám mươi bốn) đồng.

Anh V, chị N cam kết trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng với lộ trình:

- Ngày 30/8/2019 anh V, chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng;

- Từ ngày 31/8/2019 đến ngày 30/9/2019 anh V, chị N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng là 119. 670.484 (một trăm mười chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm tám mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 31/7/2019 anh V, chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ thời điểm anh V, chị N tắt toán toàn bộ nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng thì được nhận lại giấy đăng ký xe số 008446 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Sơn La cấp ngày 21/11/2016 đứng tên anh Sùng A V theo hợp đồng dịch vụ bảo quản số 10447709/GG ngày 24/11/2016.

Nếu anh V, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp gồm: 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu Hoa Mai, số khung 62DCGCA00768, số máy 0D10F2G00143, BKS: 26C -061.27 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008446 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 21/11/2016 đứng tên anh Sùng A V.

Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10447709 ngày 24/11/2016 ngày 15/10/2014 và các giấy tờ khác kèm theo. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh V, chị N đối với Ngân hàng. Nếu không đủ anh V, chị N phải có nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

2.2. Về án phí: Anh V, chị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.983.000 (tám triệu chín trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

Ngân hàng TMCP VN được nhận toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.473.000 (bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn) đồng chẵn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002142 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lò Thị Chơ